

Số: **585** /QĐ-HĐTV

Hà Nội, ngày **15** tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Quyết định số 1472/QĐ-BGTVT ngày 13/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2379/QĐ-BGTVT ngày 01/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 396/QĐ-HĐTV ngày 16/9/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay;

Căn cứ Quyết định số 390/QĐ-HĐTV ngày 27/5/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc Phê duyệt đơn giá các dịch vụ: Dịch vụ dẫn đường VOR/DME, NDB; Dịch vụ giám sát ADS-B; Dịch vụ thoại không địa VHF tại Trường Sa Lớn, Song Tử Tây năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-BGTVT ngày 17/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và giao các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2020 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Căn cứ Hồ sơ kèm theo Tờ trình số 721/TTr-CTCT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay về việc Thẩm định, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tiết giảm chi phí năm



2020 của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay;

Căn cứ Nghị quyết số 580/NQ-HĐTV ngày 11/9/2020 của HĐTV Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam về việc Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

1 Sản lượng sản xuất, cung ứng dịch vụ CNS (Đơn vị tính: giờ cung cấp dịch vụ): 348.968 giờ

1.1 Dịch vụ dẫn đường DVOR/DME: 217.220 giờ.

1.2. Dịch vụ giám sát phụ thuộc ADS-B: 114.192 giờ.

1.3. Dịch vụ VHF không địa tầm xa (từ các trạm VHF Trường Sa Lớn và Song Tử Tây): 17.556 giờ.

2. Doanh thu: 266,142 tỷ đồng, trong đó:

2.1 Doanh thu dịch vụ CNS: 160,599 tỷ đồng.

2.2 Doanh thu dịch vụ khác: 105,544 tỷ đồng

3. Chi phí: 250,566 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí sản xuất, cung ứng các dịch vụ CNS: 153,260 tỷ đồng.

- Chi phí sản xuất, cung ứng các dịch vụ khác: 97,306 tỷ đồng.

- Đối với chi phí tiền lương: Tạm ghi nhận các nội dung sau:

Trên cơ sở các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, quỹ tiền lương Kế hoạch năm 2020 tạm xác định là 99.333.273.408 đồng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương của Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên tạm xác định theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP là: 2.004.504.000 đồng.

- Quỹ tiền lương Người lao động, Ban điều hành tạm xác định theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP (sau khi tính toán loại trừ yếu tố khách quan dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu doanh thu trừ chi phí chưa có lương nếu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) là: 97.328.769.408 đồng. Trong đó,

phần giá trị chưa tính loại trừ yếu tố khách quan do dịch bệnh là: 67.318.541.514 đồng (tạm xác định theo đơn giá tiền lương khoán là 58.584 đồng/100 đồng doanh thu trừ chi phí không lương).

4. Lợi nhuận trước thuế: 15,576 tỷ đồng
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH bình quân: 4,23%.
6. Trích lập Quỹ phát triển KH&CN: 0,467 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

II. Kế hoạch đầu tư xây dựng:

1. Danh mục đầu tư: 41 dự án đầu tư - xây dựng, trong đó:

- Dự án chuyển tiếp: 19 dự án
- Dự án đầu tư mới: 22 dự án

2. Tổng mức đầu tư: 390,593 tỷ đồng.

3. Tổng giá trị giải ngân: 61,146 tỷ đồng.

4. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn kinh doanh của Công ty

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng thành viên giao:

1. Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng trình tự, thủ tục, quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng công ty. Trong quá trình thực hiện kế hoạch cần lưu ý :

- Tiếp tục rà soát, xem xét cắt giảm, giãn tiến độ thực hiện các khoản chi không thực sự cần thiết.

- Tập trung hoàn thành Dự án “Cơ sở làm việc Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay tại 58 Trường Sơn”.

2. Tổng giám đốc chỉ đạo các cơ quan đơn vị tiếp tục tổ chức thương thảo, đàm phán với Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay để giảm giá các dịch vụ trong trường hợp các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tiếp tục gặp khó khăn trong các tháng cuối năm. Việc đàm phán giảm giá này được xét như một yếu tố loại trừ khi xác định các chỉ tiêu năng suất lao động, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn, làm cơ sở xác định quỹ tiền lương tiền thưởng của Công ty.

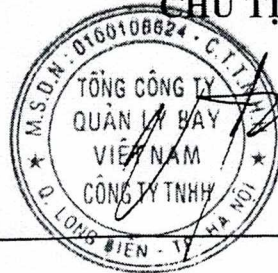


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay; Trưởng các Ban: Kế hoạch-Đầu tư, Tài chính, Kỹ thuật, Không lưu, Tổ chức Cán bộ - Lao động, An toàn-Chất lượng và An ninh, Kiểm soát nội bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

He

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- TGD, các PTGD;
- KSV của CSH, KSV của TCT tại Attech;
- Công ty KTQLB;
- Các Ban: TC, KT, KL, ATCLAN, TCCB;
- VPTCT, KSNB;
- Lưu: VT, KHĐT (V.Hải20b).

Phạm Việt Dũng

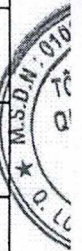
Phụ lục 1

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 785 /QĐ-HĐTV ngày 15.9.2020 của Hội đồng thành viên)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch 2020	% so với Thực hiện 2019
A	DOANH THU (tỷ đồng)	349.593	266.142	76.13%
I	Doanh thu cung cấp dịch vụ CNS cho Tổng công ty	218.460	160.599	73.51%
I.1	Sản lượng (Giờ cung cấp dịch vụ)	343,659	348,968	101.54%
1	Dịch vụ dẫn đường DVOR/DME và NDB	214,440	217,220	101.30%
2	Dịch vụ giám sát phụ thuộc ADS-B	111,708	114,192	102.22%
3	Dịch vụ VHF không địa tâm xa (Từ các trạm VHF Trường Sa Lớn và Song Tử Tây)	17,511	17,556	100.26%
I.2	Doanh thu cung cấp dịch vụ CNS	218.460	160.599	73.51%
1	Dịch vụ dẫn đường DVOR/DME và NDB	153.469	112.337	73.20%
2	Dịch vụ giám sát phụ thuộc ADS-B	40.866	28.101	68.77%
3	Dịch vụ VHF không địa tâm xa (Từ các trạm VHF Trường Sa Lớn và Song Tử Tây)	24.125	20.161	83.57%
II	Doanh thu cung cấp sản phẩm, dịch vụ khác	131.133	105.544	80.49%
1	Doanh thu cung cấp Dịch vụ bay kiểm tra hiệu chuẩn	50.465	35.493	70.33%
2	Doanh thu cung ứng các sản phẩm CNHK	13.158	18.916	143.76%
3	Kinh doanh khác	63.830	49.628	77.75%
3.1	Cung ứng dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì khai thác kỹ thuật	34.350	19.010	55.34%



3.2	<i>Cung ứng dịch vụ CNS cho khách hàng ngoài VATM (Cho Singapore...)</i>	28.430	28.944	101.81%
3.3	<i>Các dịch vụ tư vấn, thiết kế, huấn luyện đào tạo, XNK, cho thuê BĐS ...</i>	1.051	1.674	159.33%
4	Thu nhập từ hoạt động tài chính và thu nhập khác	3.679	1.506	40.94%
B	TỔNG CHI PHÍ	273.171	250.566	91.73%
I	CHI PHÍ CUNG CẤP DỊCH VỤ CNS CHO TỔNG CÔNG TY	160.444	153.260	95.52%
I.1	<i>Chi phí tiền lương và các khoản chi khác liên quan đến chế độ người lao động và viên chức quản lý</i>	91.559	82.413	90.01%
1	Tổng quỹ lương	84.013	74.525	88.71%
2	Các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN)	7.546	7.887	104.52%
I.2	<i>Chi khấu hao tài sản cố định</i>	34.870	30.434	87.28%
I.3	<i>Chi bảo đảm hoạt động</i>	32.768	38.914	118.76%
1	Bảo quản sửa chữa thường xuyên	1.809	2.461	136.03%
2	Nhiên liệu điện nước	1.960	2.352	119.99%
3	Cước viễn thông (điện thoại, telex, fax, internet)	2.157	2.574	119.33%
4	Quản lý đảm bảo hoạt động	8.895	15.743	176.97%
5	Mua sắm CCDC	0.871	0.919	105.44%
6	Huấn luyện đào tạo	0.575	1.375	239.04%

7	Bảo hiểm tài sản, phương tiện vận tải	0.974	1.078	110.69%
8	Sửa chữa lớn TSCĐ	0.292	0.318	109.14%
9	Các khoản chi khác liên quan đến chế độ người lao động	10.088	5.490	54.42%
10	Chi phí bay hiệu chuẩn cho các thiết bị dẫn đường của Công ty	5.145	6.604	128.34%
I.4	<i>Chi phí nguyên liệu (vật tư thay thế cho các đài trạm)</i>	<i>1.248</i>	<i>1.500</i>	<i>120.22%</i>
II	CHI PHÍ CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ KHÁC	112.726	97.306	86.32%
II.1	<i>Chi phí tiền lương và các khoản chi khác liên quan đến chế độ người lao động và viên chức quản lý</i>	<i>21.165</i>	<i>27.474</i>	<i>129.81%</i>
1	Tổng quỹ lương	19.398	24.808	127.89%
2	Các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN)	1.766	2.667	150.97%
II.2	<i>Chi khấu hao tài sản cố định</i>	<i>12.599</i>	<i>10.923</i>	<i>86.69%</i>
II.3	<i>Chi bảo đảm hoạt động</i>	<i>11.563</i>	<i>12.007</i>	<i>103.84%</i>
1	Bảo quản sửa chữa thường xuyên	0.434	0.486	111.91%
2	Nhiên liệu điện nước	0.568	0.983	172.96%
3	Cước viễn thông (điện thoại, telex, fax, internet)	0.293	0.373	127.36%
4	Quản lý đảm bảo hoạt động	6.485	7.407	114.22%
5	Mua sắm CCDC	0.444	0.136	30.54%
6	Huấn luyện đào tạo	0.223	0.631	283.10%

7	Bảo hiểm tài sản, phương tiện vận tải	0.230	0.222	96.68%
8	Sửa chữa lớn TSCĐ	0.039	0.002	6.30%
9	Các khoản chi khác liên quan đến chế độ người lao động	2.846	1.767	62.09%
II.4	<i>Chi phí trực tiếp khác cho các hoạt động sản xuất kinh doanh (Chi phí nguyên, nhiên vật liệu & các chi phí thuê ngoài để phục vụ cho các hoạt động)</i>	67.40	46.902	69.59%
III	Dự kiến tiết giảm chi phí		-	
C	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (đã bao gồm tiết giảm chi phí)	76.422	15.576	20.38%
D	Trích lập Quỹ PT khoa học và công nghệ	6.500	0.467	7.19%
E	LN sau trích lập Quỹ PT khoa học và công nghệ	69.922	15.109	21.61%
G	Vốn CSH bình quân	285.812	283.379	99.15%
H	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	3.607	0.500	
I	Nộp thuế thu nhập DN	14.754	3.122	21.16%
K	Lợi nhuận sau thuế	55.168	11.987	21.73%
L	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH bình quân	19.30%	4.23%	
M	PHÂN PHỐI LN			
1	Trích quỹ đầu tư phát triển (Tối đa 30% LN sau thuế theo quy định của Nhà nước)	16.508	3.596	21.78%

2	Quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến	24.756	8.057	32.54%
3	Quỹ thưởng của CTCT và KSV (năm 2019 nằm trong QT NQL)	0.390	0.334	85.71%
4	LN còn lại	13.514	0	0%
N	LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP			
1	Tổng số lao động bình quân dự kiến (không gồm BĐH) (người)	393.00	411.000	
2	Tổng số lao động bình quân dự kiến (bao gồm BĐH) (người)	398.00	416.000	
3	Năng suất lao động BQ (triệu đồng/người/năm) (bao gồm toàn bộ lao động dự kiến của Công ty và không bao gồm BĐH)	457.592	279.585	
4	Năng suất lao động BQ (triệu đồng/người/năm) (bao gồm toàn bộ lao động dự kiến của Công ty và bao gồm BĐH)	451.843	276.225	
5	Tiền lương bình quân (không bao gồm BĐH) 1 người/tháng (triệu đồng)	20.998		
6	Tiền lương bình quân (bao gồm BĐH) 1 người/tháng (triệu đồng)	21.929	19.497	



PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 585/QĐ-HĐTV ngày 15.9.2020 của Hội đồng thành viên)

ĐVT: Triệu đồng

				Thời gian chuẩn bị dự án	Thời gian thực hiện dự án	Giá trị TMBT/DTCT	Quyết định đầu tư		Chủ đầu tư	Lũy kế giải ngân đến 31/12/2019	Kế hoạch giải ngân vốn	
							Cấp QĐ đầu tư	Số, ngày quyết định			Trong năm kế hoạch 2020	Lũy kế từ khi dự án thực hiện đến hết năm kế hoạch
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2019					311,822					45,121	145,354
1	Đầu tư trạm ADS-B/VHF Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Vốn kinh doanh của Công ty	2016-2017	2017-2019	66,881	CTCT	QĐ 358/QĐ-CTCT ngày 28/06/2017	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	49,591	8,172	57,763
2	Đầu tư xây dựng cấp nguồn điện lưới cho đài VOR/DME Nội Bài	Nội Bài	Vốn kinh doanh của Công ty	2016-QI/2019	QI/2019-QII/2020	2,869	CTCT	QĐ số 17/QĐ-CTCT ngày 16/01/2019	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	729	1,741	2,471
3	Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty tại 58 Trường Sơn, phường 2 Quận Tân Bình-TP. Hồ Chí Minh	58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình-TP. Hồ Chí Minh	Vốn kinh doanh của Công ty	2014-2015	2015-2020	79,228	CTCT	QĐ 460/QĐ-HĐTV ngày 4/09/2015 và QĐ 288/QĐ-CTCT ngày 01/06/2017	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	43,766	12,023	55,789
4	Đài DVOR/DME Rạch Giá (Sử dụng lại thiết bị Đài DVOR/DME Cát Bi cũ)	CHK Rạch Giá	Vốn kinh doanh của Công ty	QII/2016-QII/2017	QII/2017-QIV/2020	14,902	CTCT	QĐ 252/QĐ-CTCT ngày 23/05/2017	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	6,044	5,444	11,489
5	Đầu tư mạng công nghệ thông tin sử dụng trong lĩnh vực hàng không (ATN) và an toàn CNTT	Công ty TNHH KTQLB	Vốn kinh doanh của Công ty	QIV/2018 - QII/2020	QII/2020 - QI/2021	10,000	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	76	2,852	2,929
6	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và hệ thống hội nghị trực tuyến	Công ty TNHH KTQLB	Vốn Kinh doanh của Công ty	QII/2018 - QII/2020	QII/2020 - QII/2021	9,355	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	1	3,742	3,743



7	Đầu tư hệ thống giám sát an toàn tự động dịch vụ CNS	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	Vốn kinh doanh của Công ty	QIV/2019 - QII/2020	QIII/2020 - QII/2021	1,000	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	273	273
8	Đầu tư hệ thống quản trị mạng công nghệ thông tin của Công ty theo mô hình domain controller	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	Vốn kinh doanh của Công ty	QII/2019 - QI/2020	QII/2020 - QIV/2020	2,122	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	1,350	1,350
9	Đầu tư hàng rào an ninh cho Đài DVOR/DME Cát Bi	Đài DVOR/DME Cát Bi	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QIV/2020	-	1,279	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	-	-
10	Đầu tư bổ sung thiết bị và cung cấp dịch vụ ADS-B Trường Sa Lớn và Song Tử Tây	Trường Sa Lớn và Song Tử Tây	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QIV/2020	-	8,500	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	-	-
11	Đầu tư bổ sung tuyến cấp nguồn và cáp tín hiệu từ đài DVOR/DME Phù Cát đến Đài KSKL mới	Cảng HK Phù Cát	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2019 - QI/2020	QI/2020 - QIV/2020	2,137	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	24	1,724	1,748
12	Đầu tư xây dựng nhà trực đài DVOR/DME Cần Thơ	Đài DVOR/DME Cần Thơ	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2019 - QI/2020	QI/2020 - QIII/2020	600	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	600	600
13	Đầu tư đài DVOR/DME Cam Ranh mới	Cam Ranh	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2019 - QII/2020	QII/2020 - QII/2021	37,500	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	6,743	6,743
14	Đầu tư nâng cao năng lực trung tâm dịch vụ kỹ thuật CNS (Regional service center-RSC) trên lĩnh vực ILS	Công ty TNHH KT QLB	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QIV/2020	-	3,675	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	19	19

15	Đầu tư nâng cao năng lực trung tâm dịch vụ kỹ thuật CNS (Regional service center-RSC) trên lĩnh vực Radar	Công ty TNHH KT QLB	Vốn kinh doanh của Công ty	-	-	10,875	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	41	41
16	Đầu tư nâng cao năng lực trung tâm dịch vụ kỹ thuật CNS (Regional service center-RSC) trên lĩnh vực ADS-B	Công ty TNHH KT QLB	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QIV/2020	-	5,000	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	26	26
17	Đầu tư bổ sung thiết bị phục vụ cung cấp dịch vụ VHF tại trạm CNS Trường Sa Lớn	Trường Sa Lớn	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QII/2021	QII/2021 - QIV/2022	40,000	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	183	183
18	Di chuyển trạm ADS-B Vinh và trạm ADS-B Mộc Châu về Pha Đin và Tam Đảo	Pha Đin, Tam Đảo	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QIV/2020	-	3,900	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	85	85
19	Đầu tư bổ sung tần số VHF thứ 2 cho phân khu 4, phân khu 5 FIR HCM tại Trường Sa Lớn, Song Tử Tây	Trường Sa Lớn, Song Tử Tây	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QIII/2020	QIV/2020 - QII/2021	12,000	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	101	101
B	DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI 2020					78,771					16,025	16,025
I	Nâng cấp hệ thống thiết bị phục vụ đo kiểm quang học của Phòng thử nghiệm hiệu chuẩn VILAS	Công ty TNHH KT QLB	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QII/2020	QII/2020 - QIV/2020	600	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	542	542

2	Thay thế, lắp đặt bổ sung ắc quy và bổ sung tấm năng lượng, mua sắm inverter/charger, bộ sạc năng lượng mặt trời làm vật tư dự phòng, mua sắm máy kiểm tra ắc quy cho hệ thống điện nguồn trạm CNS Trường Sa	Trạm VHF/VSAT Trường Sa Lớn và Song Tử Tây	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020-QII/2020	QII/2020 - QIV/2020	2,527	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	2,281	2,281
3	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện VHF tại xưởng DVKT của Công ty	Xưởng DVKT Tổ 15, Phúc Đồng, Long Biên, HN	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020-QII/2020	QII/2020 - QIV/2020	963	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	869	869
4	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện DVOR/DME tại CNHCM của Công ty	TTĐBKT- Chi nhánh Công ty TNHH Kỹ thuật QLB	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020-QII/2020	QII/2020 - QIV/2020	285	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	257	257
5	Đầu tư mua sắm bổ sung thiết bị dự phòng máy thu ADS-B cho hệ thống ADS-B	Xưởng DVKT Tổ 15, Phúc Đồng, Long Biên, HN	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020-QII/2020	QII/2020 - QIV/2020	3,850	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	3,475	3,475
6	Mua sắm modem radiolink cho Đài DVOR/DME/ADS-B Đà Nẵng và Thọ Xuân	Đài DVOR/DME/AD S-B Đà Nẵng	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020-QII/2020	QII/2020 - QIV/2020	395	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	357	357
7	Đầu tư lắp đặt hệ thống camera giám sát cho Đài DVOR/DME Vân Đồn và Phú Quốc và camera giám sát an ninh tại cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ	Đài Vân Đồn, Phú Quốc và Cơ sở SX&CCDV	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020-QII/2020	QII/2020 - QIV/2020	492	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	444	444
8	Lắp đặt bổ sung cầu chì tự rơi (FCO) và chống sét cho trạm biến áp, nâng áp của các đài trạm CNS	Các đài trạm CNS	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020-QII/2020	QII/2020 - QIV/2020	0	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	-	-
9	Mua sắm ô tô 7 chỗ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020-QII/2020	QII/2020 - QIII/2020	1,784	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	1,784	1,784

10	Cung cấp, lắp đặt phần mềm kế toán, mua sắm máy chủ phục vụ phần mềm kế toán	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QII/2020	QII/2020 - QIII/2020	962	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	866	866
11	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME & NDB Nam Hà	Đài DVOR/DME & NDB Nam Hà	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QII/2020	QIII/2020 - QIV/2020	1,785	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	1,611	1,611
12	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME/ADS-B Đồng Hới	Đài DVOR/DME/ADS-B Đồng Hới	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QII/2020	QIII/2020 - QIV/2020	402	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	363	363
13	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME Phú Quốc	Đài DVOR/DME Phú Quốc	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QII/2020	QIII/2020 - QIV/2020	450	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	406	406
14	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME/ADS-B Nội Bài	Đài DVOR/DME/ADS-B Nội Bài	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QII/2020	QIII/2020 - QIV/2020	686	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	686	686
15	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME/ADS-B Thọ Xuân	DVOR/DME/ADS-B Thọ Xuân	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QII/2020	QII/2020 - QIII/2020	347	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	313	313
16	Đầu tư mua máy in nhãn cho Xí nghiệp chế tạo thiết bị hàng không	Công ty TNHH KT QLB	Vốn kinh doanh của Công ty	QI/2020 - QII/2020	QII/2020 - QIII/2020	81	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	81	81
17	Đầu tư và khai thác trạm VHF Côn Sơn cho Phân khu 3, phân khu 4 của FIR Hồ Chí Minh	Côn Sơn	Vốn kinh doanh của Công ty	2020-2021	-	61,500	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	123	123
18	Đầu tư Đài DVOR/DME Cà Mau	Cà Mau	Vốn kinh doanh của Công ty	2020-2021	-	-	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	-	-

19	Đầu tư đài DVOR/DME Vinh mới	Vinh	Vốn kinh doanh của Công ty	2020-2021	-	-	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	-	-
20	Cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ của Công ty		Vốn kinh doanh của Công ty	Q1/2020-Q1/2020	QIII/2020 - QIV/2020	990	CTCT	-	Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay	-	895	895
21	Đầu tư khuôn đúc chân đế và đế giữ giữa biển báo	Công ty TNHH KT QLB	Vốn kinh doanh của Công ty	QII/2020-QIII/2020	QIII/2020 - QIV/2020	150	CTCT		Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay		150	150
22	Đầu tư mua sắm bổ sung thiết bị dự phòng Radio Line Switching cho hệ thống VHF/VSAT tại Côn Sơn	Công ty TNHH KT QLB	Vốn kinh doanh của Công ty	QII/2020-QIII/2020	QIII/2020 - QIV/2020	186	CTCT		Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay		186	186
23	Mua máy phát điện khẩn nguy cho các đài, trạm CNS chưa được trang bị	Công ty TNHH KT QLB	Vốn kinh doanh của Công ty	QII/2020-QIII/2020	QIII/2020 - QIV/2020	336	CTCT		Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay		336	336
	Tổng (A+B)					390,593					61,146	161,378

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1094/KTQLB-VPCT
V/v: Báo cáo công bố thông tin

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Ban Kiểm soát nội bộ-
Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-HĐTV ngày 11/1/2016 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty;

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay xin gửi tới Ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty các Báo cáo công bố thông tin như sau:

1. Điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020.
2. Báo cáo điều chỉnh chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty năm 2019.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi ;
- CTCT, KSV;
- P.KHKD, P.TCCB-LĐ;
- Lưu: VT, VP (Ha07b) .

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Giang

Giá trị thực hiện 273,17 tỷ đồng, bằng 98,58% kế hoạch năm và tăng 12,02% so với năm 2018. Trong đó:

+ Chi phí phục vụ sản xuất, cung cấp dịch vụ công ích thực hiện 160,44 tỷ đồng, bằng 93,42% so với kế hoạch năm và tăng 7,11% so với năm 2018.

+ Chi phí phục vụ sản xuất, cung cấp dịch vụ ngoài công ích thực hiện 112,73 tỷ đồng, bằng 107,00% so với kế hoạch năm và tăng 19,84% so với năm 2018.

1.1.4. Lợi nhuận trước thuế: Giá trị thực hiện 76,42 tỷ đồng, tăng 10,57% so với kế hoạch năm và tăng 15,18% so với năm 2018.

1.1.5. Nộp ngân sách: Giá trị nộp ngân sách nhà nước năm 2019 đạt 43,43 tỷ đồng

1.1.6. Kim ngạch xuất khẩu năm 2019: Giá trị thực hiện đạt 2,48 triệu USD.

1.2. Kết quả đầu tư phát triển

- Năm 2019, Công ty triển khai thực hiện 31 dự án và 03 báo cáo đầu tư mua sắm nhỏ lẻ. Kết quả đã hoàn thành 05 dự án, 03 BCĐT mua sắm nhỏ lẻ; dừng thực hiện 04 dự án do dự án có tính phức tạp cần phải xem xét, nghiên cứu thêm, dự án không phù hợp với quy hoạch của Nhà nước và dừng theo Nghị quyết của Tổng công ty.

- Các dự án đều được triển khai đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, một số dự án bị chậm tiến độ như:

+ Dự án “Đầu tư đài DVOR/DME Rạch Giá” chậm tiến độ do vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, các thủ tục liên quan đến đất đai;

+ Các dự án “Đầu tư bổ sung tuyến cáp nguồn và cáp tín hiệu từ đài DVOR/DME Phù Cát đến đài KSKL mới” và Dự án “Đầu tư xây dựng nhà trực đài DVOR/DME Cần Thơ” chậm tiến độ do thời gian thỏa thuận với các đơn vị liên quan kéo dài làm chậm thủ tục xin chấp thuận của Cục Hàng không Việt Nam;

+ Dự án “Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty tại 58 Trường Sơn, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh” chậm tiến độ do tiến độ triển khai thi công Gói thầu số 8 “Xây lắp tòa nhà cơ sở làm việc bao gồm Thi công xây dựng tòa nhà; Thiết bị công trình, Hạ tầng kỹ thuật; Sân đường nội bộ, Cổng, tường rào; Cây xanh, thảm cỏ” bị chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Giá trị giải ngân các dự án đầu tư năm 2019 là 40,64 tỷ đồng, bằng 52,06% kế hoạch năm TCT phê duyệt.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

Hiện nay, dịch COVID - 19 đang có diễn biến phức tạp và có tác động lớn đến

nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam, trong đó hàng không là một trong những ngành bị ảnh hưởng rõ rệt và nặng nề nhất. Sự sụt giảm nghiêm trọng về sản lượng, doanh thu điều hành bay tác động rất lớn đến cân đối thu chi của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và ATTECH. Sự sụt giảm của ngành hàng không trên toàn thế giới cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng đã ký kết của Công ty trong năm 2020, làm sụt giảm kế hoạch doanh thu của Công ty.

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
A	DOANH THU		266,142
I	Dịch vụ công ích		
I.1	Sản lượng (Giờ cung cấp dịch vụ)	Giờ	348.968
1	Dịch vụ dẫn đường DVOR/DME và NDB	Giờ	217.220
2	Dịch vụ giám sát phụ thuộc ADS-B	Giờ	114.192
3	Dịch vụ VHF không địa tầm xa (Từ các trạm VHF Trường Sa Lớn và Song Tử Tây)	Giờ	17.556
I.2	Doanh thu trong công ích (Cung cấp dịch vụ CNS)		160,599
1	Dịch vụ dẫn đường DVOR/DME và NDB	Tỷ đồng	112,337
2	Dịch vụ giám sát phụ thuộc ADS-B	Tỷ đồng	28,101
3	Dịch vụ VHF không địa tầm xa (Từ các trạm VHF Trường Sa Lớn và Song Tử Tây)	Tỷ đồng	20,161
II	Doanh thu ngoài công ích		105,544
1	Doanh thu cung cấp Dịch vụ bay kiểm tra hiệu chuẩn	Tỷ đồng	35,493
2	Doanh thu cung ứng các sản phẩm CNHK	Tỷ đồng	18,916
3	Kinh doanh khác	Tỷ đồng	49,628
4	Thu nhập từ hoạt động tài chính và thu nhập khác	Tỷ đồng	1,506

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH
B	TỔNG CHI PHÍ		250,566
1	Trong công ích	Tỷ đồng	153,260
2	Ngoài công ích	Tỷ đồng	97,306
C	Lợi nhuận trước thuế		15,576
D	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1,61
E	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	14,924

2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020

2.2.1 Kế hoạch đầu tư các dự án năm 2020:

Trong năm 2020, Công ty triển khai thực hiện 42 dự án đầu tư xây dựng với tổng mức đầu tư dự kiến là 390,593 tỷ đồng, kế hoạch giải ngân trong năm là 61,146 tỷ đồng, trong đó:

- + Dự án chuyển tiếp từ năm 2019: 19 dự án
- + Dự án đầu tư mới năm 2020: 23 dự án

2.2.2 Kết quả đầu tư năm 2020 (dự kiến).

- Hoàn thành quyết toán các dự án:
 - + Dự án “Đầu tư trạm ADS-B/VHF Cà Mau”
 - + Dự án “Đầu tư xây dựng cấp nguồn điện lưới cho đài DVOR/DME Nội Bài”
 - + Dự án “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME/ADS-B Thọ Xuân”
 - + Dự án “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME/ADS-B Nội Bài”
 - + Dự án “Đầu tư mua máy in nhãn cho Xí nghiệp chế tạo thiết bị hàng không”
 - + Dự án “Mua sắm ô tô 7 chỗ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh”
- Hoàn thành nghiệm thu và đưa vào khai thác sử dụng các công trình, dự án sau:
 - + Dự án “Đầu tư hệ thống quản trị mạng công nghệ thông tin của Công ty theo mô hình domain controller”
 - + Dự án “Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện VHF tại Xưởng DVKT của Công ty”

+ Dự án “Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện DVOR/DME tại CNHCM của Công ty”

+ Dự án “Mua sắm modem radiolink cho Đài DVOR/DME/ADS-B Đà Nẵng và Thọ Xuân”

+ Dự án “Đầu tư mua sắm bổ sung thiết bị dự phòng máy thu ADS-B cho hệ thống ADS-B”

+ Dự án “Đầu tư bổ sung tuyến cáp nguồn và cáp tín hiệu từ đài DVOR/DME Phù Cát đến Đài KSKL mới”.

+ Dự án “Đầu tư xây dựng nhà trực đài DVOR/DME Cần Thơ”

+ Dự án “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đài DVOR/DME Phú Quốc”

- Các dự án đầu tư được thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Công ty, đảm bảo tiến độ và chất lượng theo kế hoạch được phê duyệt.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh cho từng bộ phận, đơn vị. Thường xuyên giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trên để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình diễn biến của dịch bệnh, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã giao.

- Áp dụng Quy định đánh giá hiệu quả của các bộ phận, đơn vị trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực cho các bộ phận, đơn vị hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Đối với các hợp đồng về cung cấp dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát cho Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam: xây dựng và triển khai phương án ứng phó phòng chống dịch COVID-19 tại các đài trạm, cơ sở sản xuất và cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ an toàn, hiệu quả theo đúng cam kết hợp đồng, đồng thời duy trì vững chắc năng lực đảm bảo khai thác kỹ thuật các trạm thông tin, giám sát trên quần đảo Trường Sa và Côn Sơn.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn các thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không đảm bảo an toàn, hiệu quả, phù hợp với kế hoạch của Cục Hàng không Việt Nam và cam kết hợp đồng với khách hàng trong điều kiện tác động của đại dịch COVID - 19, các quy định về nhập cảnh và cách ly phòng chống dịch; đảm bảo an ninh, an toàn vùng trời quốc gia, phấn đấu hoàn thành vượt

chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Giám sát chặt chẽ các Kế hoạch sản xuất tổng hợp, lệnh sản xuất, kế hoạch quản lý rủi ro để đảm bảo nguồn lực hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp hàng không và kinh doanh khác trước bối cảnh ngành hàng không toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề, nghiêm trọng bởi dịch bệnh.

- Bảo toàn và sử dụng có hiệu quả vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.

2. Về công tác đầu tư:

- Triển khai các dự án và tăng cường công tác giám sát các dự án đầu tư, tập trung tìm các biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn liên quan đến các thủ tục hành chính (thủ tục liên quan đến đất đai, những vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng ...) để đảm bảo tiến độ kế hoạch các dự án.

- Nâng cao năng lực và phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Quản lý dự án chuyên ngành, quản lý chặt chẽ về tiến độ và chất lượng các dự án đầu tư.

3. Về công tác khoa học công nghệ:

- Đánh giá, sử dụng hiệu quả các nguồn lực nội bộ.

- Tìm kiếm, đẩy mạnh việc hợp tác với các cơ sở nghiên cứu KH&CN hàng đầu Việt Nam trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng KH&CN; Rà soát, cải tiến Quy chế hoạt động KH&CN để đảm bảo phù hợp với chương trình hành động của doanh nghiệp nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 trong lĩnh vực hàng không.

- Nâng cao kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết vấn đề cho cơ quan quản lý, tham mưu; bộ phận chủ trì nhiệm vụ và các chủ nhiệm nhiệm vụ trong thực thi các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

4. Về quản trị doanh nghiệp:

- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp với mục tiêu tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, ổn định và nâng cao chất lượng.

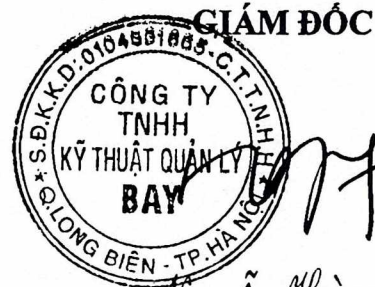
- Tập trung nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quản lý nội bộ của công ty nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý.

- Thực hiện việc điều chỉnh, xây dựng lại và áp dụng chặt chẽ các định mức kinh tế, kỹ thuật cho quá trình sản xuất các sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm quản

lý tốt hơn chi phí.

- Duy trì tốt công tác đánh giá năng lực định kỳ, làm cơ sở để triển khai các kế hoạch phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đến toàn thể người lao động trong Công ty, đặc biệt gắn việc xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro với việc quản lý an toàn cung cấp dịch vụ CNS và an toàn sản xuất kinh doanh. 



Nguyễn Hoàng Giang

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO ĐIỀU CHỈNH CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA CÔNG TY

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

1.1. Năm 2019

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với NLĐ:

+ Nguyên tắc xác định Quỹ tiền lương: Quỹ tiền lương của NLĐ phụ thuộc vào các chỉ tiêu: lao động thực tế sử dụng bình quân năm báo cáo, tiền lương bình quân kế hoạch, tốc độ tăng năng suất lao động và tốc độ tăng lợi nhuận so với kế hoạch (theo Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH).

+ Nguyên tắc xác định Quỹ thưởng ATHK: Quỹ thưởng ATHK được xác định trên cơ sở vận dụng Văn bản số 982/LĐTBXH-LĐTL ngày 20/03/2015 của Bộ Lao động Thương binh xã hội trả lời Văn bản số 819/BGTVT-TCCB ngày 21/01/2015 của Bộ GTVT về hướng dẫn cách tính chế độ thưởng ATHK năm 2014 để xác định Quỹ thưởng ATHK 2015 đối với NLĐ và Tờ trình số 8314/TTr-QLB ngày 30/12/2016 được thông qua tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐTV ngày 09/01/2017 của Hội đồng thành viên TCT Quản lý bay Việt Nam;

+ Nguyên tắc xác định Quỹ tiền thưởng: Quỹ Khen thưởng - phúc lợi thực hiện của NLĐ được xác định bằng 03 tháng tiền lương không bao gồm quỹ thưởng ATHK (áp dụng trường hợp doanh nghiệp xếp loại A).

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với NQL doanh nghiệp:

+ Nguyên tắc xác định quỹ tiền lương của NQL: Quỹ tiền lương của NQL được xác định căn cứ vào mức lương cơ bản theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP và hệ số tăng thêm theo lợi nhuận thực hiện báo cáo so với lợi nhuận thực hiện năm trước (Theo Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH).

+ Nguyên tắc xác định Quỹ tiền thưởng ATHK của NQL: Quỹ thưởng ATHK của NQL được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14/09/2010 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội (Khoản I, điều 13) về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, đồng thời vận dụng Văn bản số 982/LĐTBXH-LĐTL ngày 20/03/2015 của Bộ Lao động Thương binh xã hội trả lời văn bản số 819/BGTVT-TCCB ngày 21/01/2015 của Bộ GTVT trong việc xác định mức lương tối thiểu Công ty làm căn cứ xác định quỹ thưởng ATHK của NQL.

+ Nguyên tắc xác định Quỹ thưởng NQL thực hiện: Quỹ thưởng của NQL

được xác định bằng 1,5 tháng tiền lương, không bao gồm quỹ thưởng ATHK (áp dụng trường hợp doanh nghiệp xếp loại A).

b) Quỹ tiền lương

- Quỹ lương của NLD:

+ Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2019 của NLD (đã bao gồm quỹ thưởng ATHK): 98.117.460.739 đồng.

+ Tổng quỹ lương thực hiện năm 2019 của NLD (đã bao gồm quỹ thưởng ATHK): 102.468.912.630 đồng.

- Quỹ tiền lương của NQL doanh nghiệp:

+ Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2019 của NQL (đã bao gồm quỹ thưởng ATHK): 3.070.055.836 đồng.

+ Tổng quỹ lương thực hiện năm 2019 của NQL (đã bao gồm quỹ thưởng ATHK): 3.334.328.038 đồng.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với NLD và NQL: Theo quy định của Nhà nước, Quy chế Trả lương - trả thưởng của Công ty và các văn bản có liên quan.

1.2. Năm 2020

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với NLD, Ban điều hành, Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên chuyên trách

Thực hiện theo Nghị định 20/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 về việc thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng Công ty nhà nước và Thông tư số 04/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2020 của Bộ Lao động Thương binh xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về đơn giá khoán, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và Ban điều hành quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 20/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng Công ty nhà nước.

b) Quỹ tiền lương

Tạm xác định quỹ tiền lương Kế hoạch 2020 như sau:

- Tổng quỹ lương của NLD (bao gồm Ban điều hành): 97.328.769.408 đồng.

- Quỹ tiền lương của Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên chuyên trách:
2.004.504.000 đồng.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với NLĐ, Ban điều hành, Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên chuyên trách: Theo quy định của Nhà nước, Quy chế Trả lương - trả thưởng của Công ty và các văn bản có liên quan.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp: Theo quy định của Nhà nước, Quy chế Trả lương - trả thưởng của Công ty và các văn bản có liên quan

2.1. BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	
			Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		I	I
II	TIỀN LƯƠNG CỦA NLĐ			
1	Lao động bình quân	Người	405	393
2	Mức tiền lương bình quân	Đồng/tháng	19.442.343	20.997.730
3	Quỹ tiền lương	Đồng	94.489.786.980	99.025.294.680
4	Quỹ thưởng ATHK	Đồng	3.627.673.759	3.443.617.950
5	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Đồng	20.549.402.261	19.758.302.029
6	Thu nhập bình quân	Đồng/tháng	24.417.050	25.917.560
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DN			
1	Số người quản lý doanh nghiệp (tính bình quân)	Người	6,67	6,54
2	Mức lương cơ bản bình quân	Đồng/tháng	23.750.000	23.764.331
3	Mức tiền lương bình quân	Đồng/tháng	35.625.000	39.721.875
4	Quỹ tiền lương	Đồng	2.850.000.000	3.118.167.188
5	Quỹ thưởng ATHK	Đồng	220.055.836	216.160.850
6	Quỹ tiền thưởng	Đồng	356.250.000	389.770.899
7	Mức thu nhập bình quân của người quản lý DN	Đồng/tháng	42.828.823	48.826.101

2.2. BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2020

Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay đã được phê duyệt tại Quyết định số 585/QĐ-HĐTV ngày 15/9/2020, Công ty tạm công bố Quỹ tiền lương Kế hoạch năm 2020 là 99.333.273.408 đồng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương của Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên chuyên trách tạm xác định theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP là: 2.004.504.000 đồng.

- Quỹ tiền lương Người lao động, Ban điều hành tạm xác định theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP (sau khi tính toán loại trừ yếu tố khách quan dịch bệnh Covid – 19 ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu doanh thu trừ chi phí chưa có lương nếu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) là: 97.328.769.408 đồng. Trong đó, phần giá trị chưa tính toán loại trừ yếu tố khách quan do dịch bệnh là: 67.318.541.514 đồng (tạm xác định theo đơn giá tiền lương khoán là 58.584 đồng/100 đồng doanh thu trừ chi phí không lương).

* Sau khi Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam phê duyệt thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương tiền thưởng theo Nghị định 20/2020/NĐ-CP đối với Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay và đồng ý Kế hoạch tiền lương, tiền thưởng năm 2020 của Người lao động, Ban điều hành, Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên chuyên trách, Công ty sẽ chính thức công bố các số liệu liên quan theo quy định.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Giang